TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 479/2021/DS-PT
Ngày: 21/12/2021
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Chí Anh
Các Thẩm phán: Ông Vũ Toàn Giang
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hương Lan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 274/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021, về việc *"tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do bản án sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 20/4/2021, của Tòa án nhân dân quận HBT , thành phố Hà Nội, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 420/2021/QĐ-PT ngày 09/11/2021; Quyết định hoãn phiên toà dân sự phúc thẩm số 597/2021/QĐ-PT ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (S);
Địa chỉ: Lầu 8 số 266-268 N, phường 8 quận 3, thành phố HCM.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền:
1. Ông Phạm Đức D – Giám đốc phụ trách trung tâm thẻ S
2. Bà Hồ Thị Minh T – Phó giám đốc phụ trách trung tâm thẻ S, bà Tuyết ủy quyền lại cho ông Nguyễn Thanh H – Nhân viên *(ông Hải có mặt tại phiên tòa).*

Bị đơn: Bà Trần Thanh T , sinh năm 1986 *(vắng mặt tại phiên tòa)*
Địa chỉ: Số 14 phố MHĐ, phường ND, quận HBT, thành phố HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/4/2011, Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (sau đây gọi tắt là ngân hàng S) có cấp thẻ tín dụng cho bà Trần Thanh T với hạn mức là 8.000.000đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ khách hàng được nâng hạn mức lên 10.000.000đồng, với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Hợp đồng tín dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này gọi chung là là Hợp đồng). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 325.054.986 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 317.061.986đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng từ tháng 7 năm 2014 bà Trần Thanh T đã không thanh toán đầy đủ cho ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó ngày 26/10/2014 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển khoản nợ của bà Trần Thanh T sang nợ quá hạn đồng thời áp dụng lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Lãi quá hạn được tính trên dư nợ gốc kể từ ngày 26/10/2014 đến ngày 20/4/2021 là 30.166.846đồng theo lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng = (2,15%×150%). Tạm tính đến ngày 20/4/2021 bà Trần Thanh T còn nợ ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc là: 11.845.120đồng; Lãi quá hạn 30.166.846đồng. Tổng cộng 42.011.966đồng. Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thanh T trả ngay cho ngân hàng tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 20/4/2021 là: 42.011.966đồng. Bà Trần Thanh T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 20/4/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn là bà Trần Thanh T đã được tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa để bà T biết những vấn đề cụ thể mà Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập bà T đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, bà T không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do bà T không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật

Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại bản án sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân quận HBT , thành phố Hà Nội, đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT về việc đòi bà Trần Thanh T trả số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký kết ngày 05/4/2011. Buộc bà Trần Thanh T trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT các khoản tiền tính đến ngày 20/4/2021 gồm: Nợ gốc là 10.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 1.077.683đồng, các loại phí là 767.437đồng, tiền lãi quá hạn là 25.466.747đồng. Tổng cộng số tiền là: 37.311.867đồng *(Ba mươi bảy triệu, ba trăm mười một nghìn, tám trăm sáu mươi bảy đồng).*

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau phiên toà sơ thẩm, ngày 04/5/2021, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo đề ngày 29/4/2021 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT, với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân quận HBT , thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên toà xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình diễn biến tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí, do đó kháng cáo được coi là hợp lệ về mặt hình thức.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm nhiều lần tống đạt không thành đối với bị đơn là bà Nguyễn Thanh T vì lý do bà T không còn sinh sống tại địa chỉ nơi cư trú. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà T . Theo Biên bản xác minh ngày 21/01/2021 tại Công an phường Nguyễn Du, quận HBT , Hà Nội đã cung cấp thông tin: Bà T hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Số 14 MHĐ, phường BTX (nay là phường ND), quận HBT , HN, tuy nhiên thực tế bà T không còn ăn ở, sinh sống ở địa chỉ này nữa. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bà T là đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

2.1. Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng:

Ngày 18/3/2011, bà Nguyễn Thanh T đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng để đề nghị Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (S) cấp thẻ tín dụng với hạn mức 8.000.000 đồng. Đến ngày 05/4/2011 bà T được Ngân hàng S cấp thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân với hạn mức 8.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ khách hàng được nâng hạn mức lên 10.000.000đồng.

Xét Hợp đồng tín dụng về việc cấp thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), được xác lập giữa bà Nguyễn Thanh T với Ngân hàng S trên cơ sở thoả thuận, tự nguyện, có đầy đủ năng lực chủ thể. Căn cứ quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 3 Điều 3, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hình thức và nội dung của Hợp đồng tín dụng đúng quy định nên có giá trị thi hành đối với các bên giao kết.

Kể từ thời điểm giao kết bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 325.054.986 đồng, và đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 317.061.986 đồng, đến ngày 25/7/2014 thì bà T không tiếp tục thanh toán nữa mặc dù đã được Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở.

Do đó Căn cứ Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 26/10/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

2.2. Xét việc chuyển toàn bộ dự nợ của bà T sang nợ quá hạn, HĐXX xét thấy:

Căn cứ theo quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, việc

Ngân hàng S yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền nợ gốc và các khoản lãi phát sinh là có căn cứ.

Việc xác định khoản nợ gốc làm căn cứ xác định lãi được xác định như sau: Căn cứ Điều 20 Thông tư số 39 đã quy định: *"Tổ chức tín dụng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng <u>không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận</u> và không được tổ chức tín dụng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ; thông báo cho khách hàng về việc chuyển nợ quá hạn. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn."*; Căn cứ theo thỏa thuận giữa Ngân hàng S và bà T về hạn mức thẻ tín dụng, có cơ sở để xác định số nợ gốc mà bà Trần Thanh T còn nợ ngân hàng là 10.000.000đồng. Do đó việc Ngân hàng S chuyển toàn bộ số dư nợ của bà T bao gồm khoản tiền giao dịch chưa thanh toán và các khoản lãi, khoản phí thành dư nợ gốc là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3.Về cách tính số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn, căn cứ Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về "lãi suất cho vay" như sau: "Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn."

2.3.1. Đối với số tiền lãi trong hạn và các loại phí phát sinh trong thời gian thẻ tín dụng còn hiệu lực mà bà Trần Thanh T chưa trả (được xác định từ ngày 25/7/2014 đến ngày 26/10/2014), căn cứ Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016, điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, Điều 5 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Tòa án buộc bà Trần Thanh T phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT số tiền lãi trong hạn là 1.077.683 đồng và các loại phí là 767.437 đồng, tổng cộng là 1.845.120 đồng.

2.3.2. Như vậy, đối với số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian quá hạn phải chịu 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Theo Thông báo thay đổi lãi suất số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011, thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế áp dụng từ ngày 05/7/2011 là 2,15%/tháng, như vậy, số tiền lãi quá hạn từ ngày 26/10/2014 đến ngày 20/4/2021 là:

10.000.000đồng x 25,8%/360 ngày x 150% x 2.369 ngày = 25.466.747đồng.

Những phân tích trên là căn cứ không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT

Phát biểu của Đại diện VKS NDTP Hà Nội là phù hợp nên được chấp nhận

3. Về án phí:

Do kháng cáo nên Ngân hàng S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền không được chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 93; Điều 147; Điều 148; Điều 271, Điều 272; Điều 273; khoản 2 Điều 296; khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân quận HBT , thành phố HN, như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT về việc đòi bà Trần Thanh T trả số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký kết ngày 05/4/2011. Buộc bà Trần Thanh T trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT các khoản tiền tính đến ngày 20/4/2021 gồm: Nợ gốc là 10.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 1.077.683đồng, các loại phí là 767.437đồng, tiền lãi quá hạn là 25.466.747đồng. Tổng cộng số tiền là: 37.311.867đồng *(Ba mươi bảy triệu, ba trăm mười một nghìn, tám trăm sáu mươi bảy đồng).*

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1 Về án phí sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 235.000đồng (Hai trăm, ba mươi lăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003670 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HBT , thành phố Hà Nội, được hoàn trả lại 565.000đồng (Năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí. Bà Trần Thanh T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.865.000đồng *(Một triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).*

3.2 Về án phí phúc thẩm:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AH/2020/0011660 ngày 04/5/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận HBT , thành phố Hà Nội.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trương Chí Anh

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;.
- Tòa án nhân dân quận HBT ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận HBT ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.